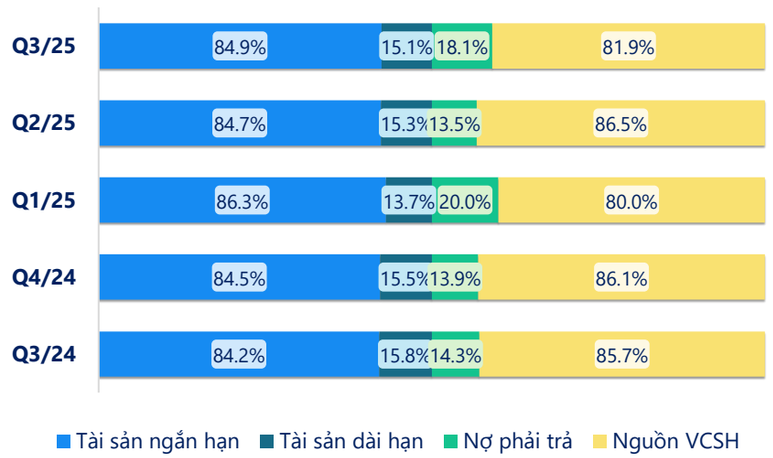
CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,249
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,153
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,560
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	73
P/E	-62.8
EPS	-97

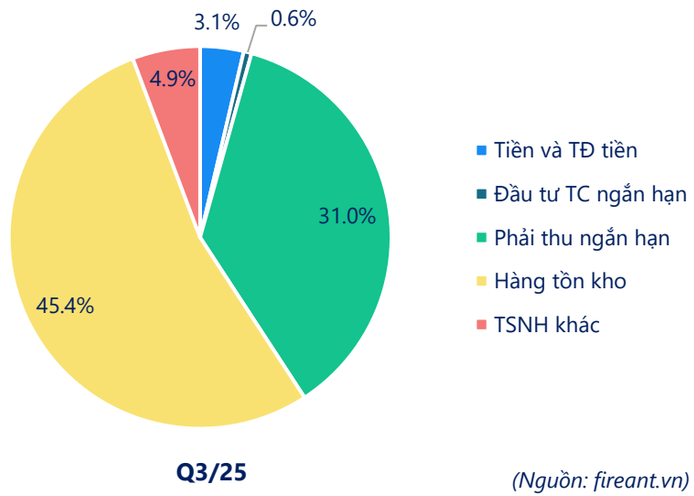
	YTD	1T	3T	6T
LPT	16.4%	-9.3%	1.2%	-11.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



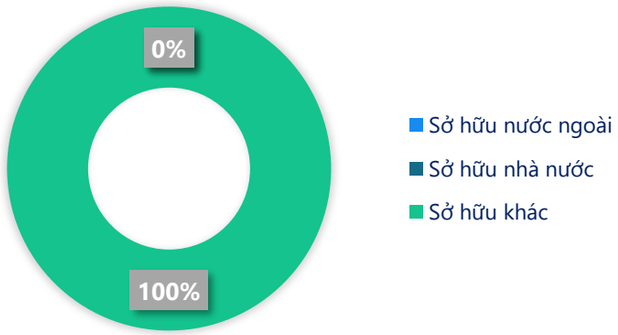
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



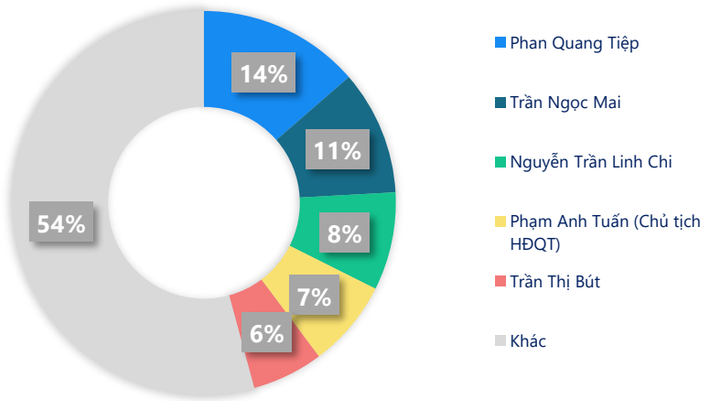
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



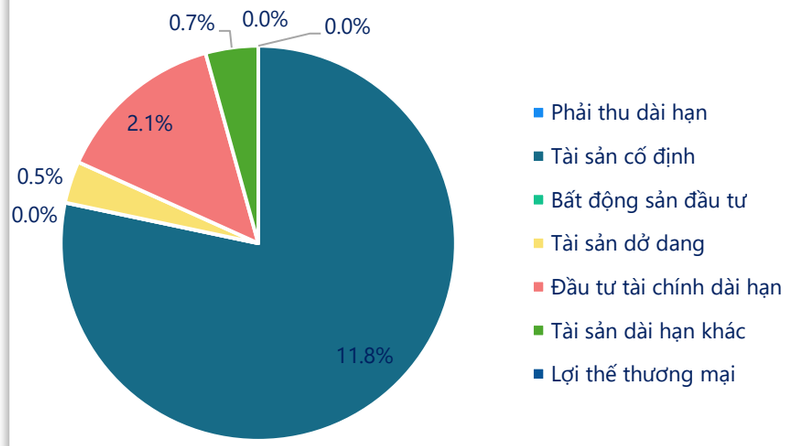
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

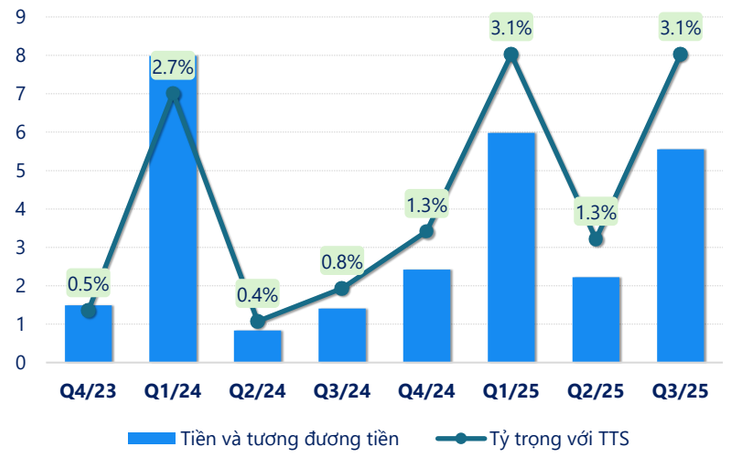


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

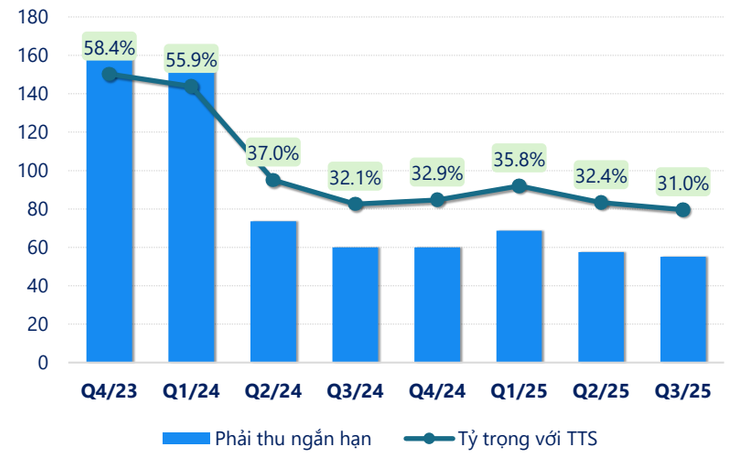
CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

Tiền và tương đương tiền



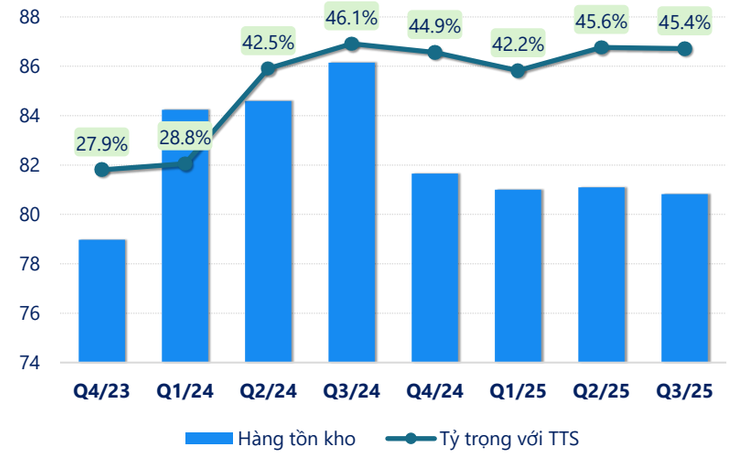
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



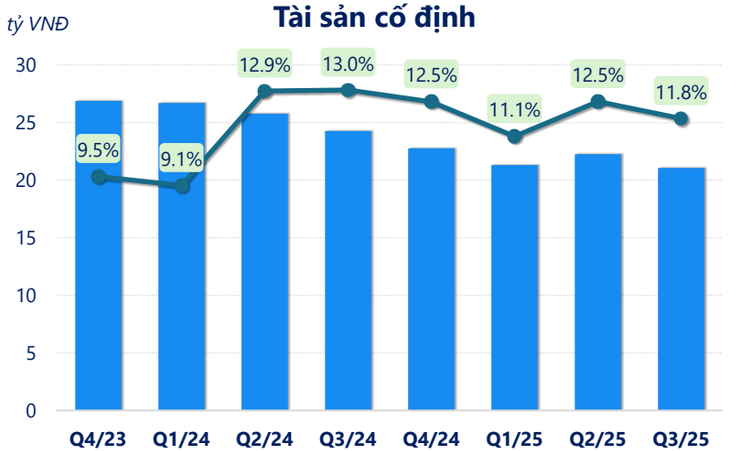
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



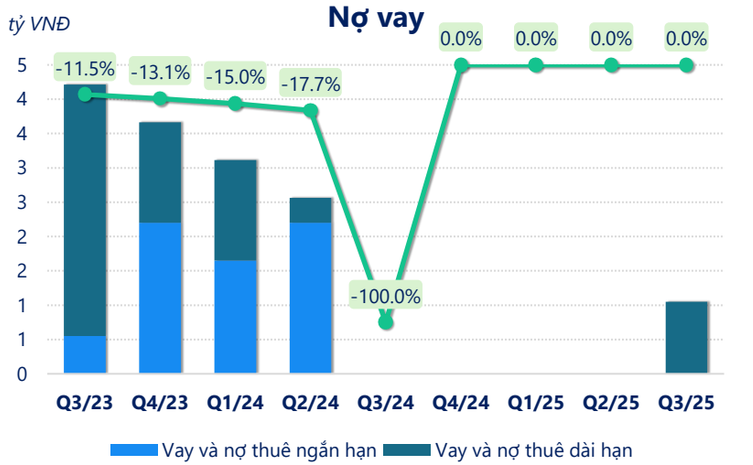
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



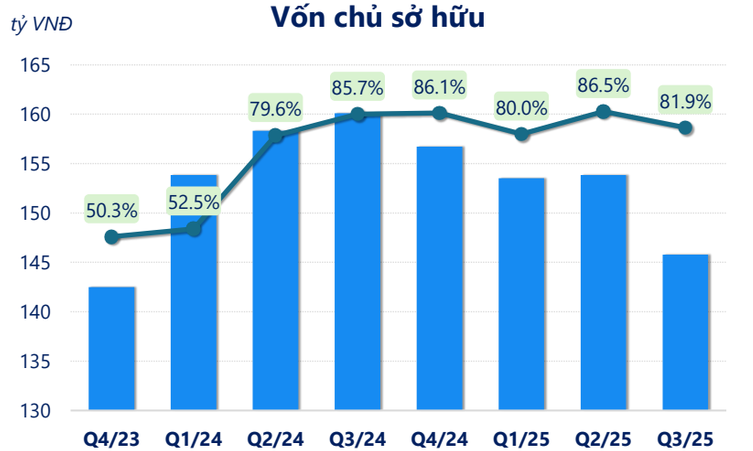
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

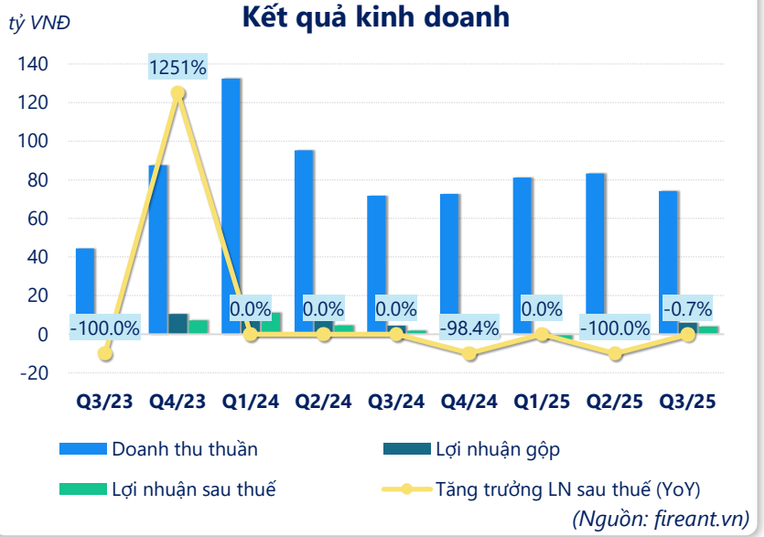


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

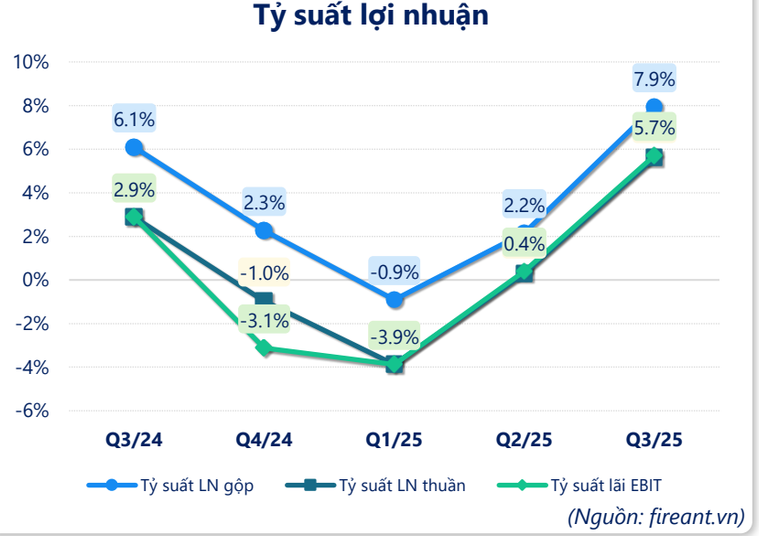
CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

Kết quả kinh doanh



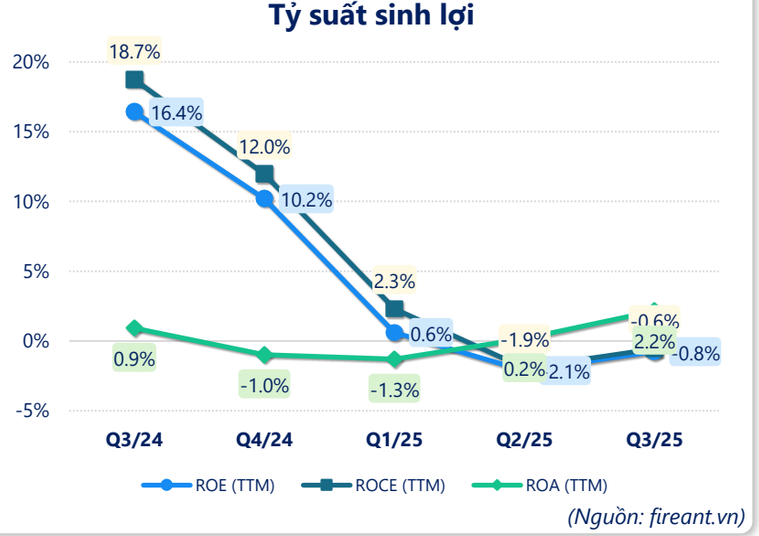
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



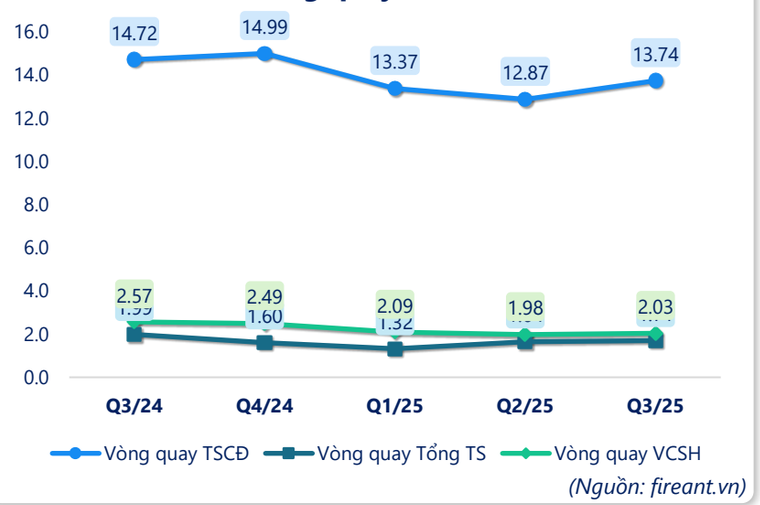
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



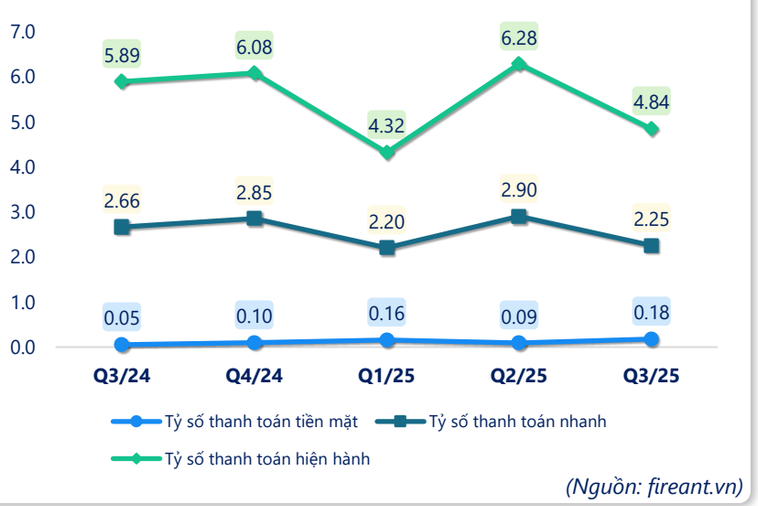
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



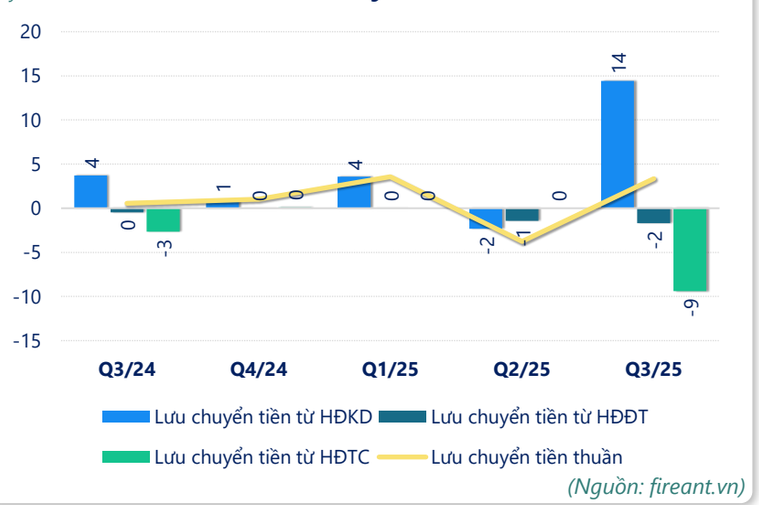
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**178**	**183**	**-2.7%**
Tài sản ngắn hạn	151	155	-2.3%
Tiền và tương đương tiền	5.55	2.42	130%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	1.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	55.1	60.9	-9.4%
Hàng tồn kho	80.8	81.7	-1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	8.65	8.73	-0.8%
Tài sản dài hạn	**26.9**	**28.2**	**-4.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.1	22.8	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.93	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	3.75	3.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.16**	**1.71**	**-32.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.2	26.2	23.0%
Nợ ngắn hạn	**31.2**	**26.2**	**19.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.6	15.0	11.2%
Nợ dài hạn	1.05	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	1.05	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**146**	**157**	**-6.9%**
Vốn chủ sở hữu	**146**	**157**	**-6.9%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	71.8	72.7	81.1	83.2	74.1
Giá vốn hàng bán	67.4	71.0	81.9	81.4	68.2
Lợi nhuận gộp	4.38	1.64	-0.74	1.80	5.88
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.30	0.01
Chi phí TC	0.03	0	0	0	0.02
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.44	0.37	0.39	0.21	0.27
Chi phí QLDN	1.84	1.99	2.02	1.63	1.45
LN thuần từ HĐKD	2.07	-0.71	-3.14	0.26	4.15
Lợi nhuận khác	0	-1.56	0.00	0.08	0.06
LN trước thuế	2.07	-2.27	-3.15	0.33	4.21
Lợi nhuận sau thuế	1.79	-2.29	-3.15	0.33	3.93
LNST của CĐ cty mẹ	1.79	-2.29	-3.15	0.33	3.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.70	0.90	3.56	-2.34	14.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.46	0.01	0.00	-1.42	-1.70
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.67	0.11	0	0	-9.38
Tiền đầu kỳ	0.83	1.40	2.42	5.98	2.22
Lưu chuyển tiền thuần	**0.57**	**1.01**	**3.57**	**-3.76**	**3.33**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.40	2.42	5.98	2.22	5.55

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic